

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST

Ngày 25 - 02 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh.

Ông Hà Mạnh Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở thôn Lùng Càng, xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 12/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022 đối với.

- Bị cáo: Vàng A V; sinh năm 1998; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vàng A C; sinh năm 1943 (chết năm 2017) và con bà: Lý Thị X, sinh năm 1964; có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; có vợ: Giàng Thị P, sinh năm 2002 và có 01 con sinh năm 2021; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Vương Thị Minh H - Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang (Vắng mặt có lý do).

- Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già tỉnh Hà Giang; người đại diện theo ủy quyền ông Giàng A V – Cán bộ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2020 và đầu năm 2021 trên địa bàn xã M, huyện Bắc Mê xảy ra tình trạng khai thác lâm sản trái phép, ngày 08/9/2021 Vàng A V đến tự thú tại Công an huyện B, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, là do có nhu cầu làm nhà ở, đã nảy sinh ý định lên rừng tìm cây gỗ Nghiến để cất, xẻ lấy gỗ làm nhà (không nhớ ngày cụ thể) tháng 7/2020 một mình mang theo 01 máy cưa xăng (nhãn hiệu 6200, màu xanh - trắng lam của máy cưa kích thước dài 75cm), đi vào khu rừng tự nhiên thuộc Thôn K, xã M, huyện B cắt hạ 01 cây gỗ Nghiến

còn đứng, đường kính gốc khoảng 1,5m. Sau khi cây đồ Vàng A V cầm máy cưa đi về nhà, bỏ lại thân cây gỗ nghiêng đã đổ tại hiện trường. Đến chiều (không nhớ ngày cụ thể) tháng 02/2021, Vàng A V một mình quay lại vị trí cây gỗ Nghiến dùng máy cưa xăng cắt rời một phần của thân cây gỗ nghiêng nói trên xẻ được 14 chiếc thớt nghiêng (*đều có đường kính 35cm, dày 6cm*) vận chuyển về bán số thớt nghiêng cho một người đàn ông lạ mặt giá 80.000đ/01 chiếc thớt nghiêng. Số tiền bán thớt đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 09/09/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã phối hợp với các lực lượng chức năng tiến hành cho Vàng A V chỉ dẫn vị trí gốc cây gỗ Nghiến đã khai thác trái phép, qua đó xác định gốc cây gỗ nghiêng chưa bị cơ quan, tổ chức, cá nhân nào phát hiện đã bị khai thác trái phép trước đó.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định cây gỗ Nghiến bị Vàng A V khai thác trái phép tổng khối lượng là $16,132\text{m}^3$ (*Mười sáu phẩy một trăm ba mươi hai mét khối*) vị trí tại tiểu khu 155, khoảnh 4, lô 21, thuộc địa phận Thôn K, xã M, huyện B; loại rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già là chủ quản lý. Sau khi khám nghiệm hiện trường đã trích mẫu đi giám định và lập biên bản tạm giao tổng khối lượng là $15,745\text{m}^3$ (*Mười lăm phẩy bảy trăm bốn mươi lăm mét khối*) gỗ nghiêng nhóm IIA còn tại hiện trường.

Tại bản kết luận giám định số 471 ngày 23/9/2021 của Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng thuộc Viện Khoa học Lâm Nghiệp Việt Nam xác định cây gỗ do Vàng A V khai thác là loại gỗ Nghiến (*tên khoa học Excentrodendron tonkinense*). Loài Nghiến có tên trong Bảng IIA nhóm II tại “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32 ngày 01/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Cây gỗ nghiêng nhóm IIA tổng khối lượng $16,132\text{m}^3$ giá trị là 161.973.300đ (*Một trăm sáu mươi một triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm đồng*).

Tang vật thu giữ: 01 cây gỗ Nghiến nhóm IIA khối lượng còn lại tại hiện trường $15,745\text{m}^3$ (*Mười lăm phẩy bảy trăm bốn mươi lăm mét khối*). Hiện đã tạm giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý; 01 máy cưa xăng nhãn hiệu 6200, màu sơn xanh - trắng, lam máy cưa có kích thước 75cm, không có xích cắt, đã qua sử dụng.

Đối với xích của máy cưa xăng, Vàng A V khai sau khi sử dụng vào việc phạm tội đã bị hỏng, vứt đi nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu Vàng A V bồi thường số tiền 3.947.400đ (*Ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng*) là số tiền giá trị của $0,387\text{m}^3$ gỗ nghiêng đã xẻ thành thớt bán để sung vào ngân sách nhà nước, nay Vàng A V đã bồi thường 500.000đ.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSBM ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố bị cáo Vàng A V, về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo điểm e khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Vàng A V phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232, điều 38, điều 50; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng A V từ 04 năm đến 04 năm 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền 3.947.400đ cho Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già tỉnh Hà Giang để nộp sung vào ngân sách nhà nước, bị cáo đã bồi thường được 500.000đ nay còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 3.447.400đ.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 cây gỗ nghiêng nhóm IIA khối lượng còn tại hiện trường 15,745m³ và 01 máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu 6200, màu sơn xanh - trắng, lam máy cưa có kích thước 75cm, không có xích cắt đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 điều 12, điều 14, khoản 6 điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa bị cáo Vàng A V: Nhất trí với quan điểm Viện kiểm sát, về tội danh bị cáo phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm e khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc đối với hình phạt của bị cáo xét về nguyên nhân, điều kiện phạm tội. Do có nhu cầu làm nhà ở nhưng vì hoàn cảnh gia đình bị cáo vô cùng khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, không có điều kiện về tiền bạc, vật chất để làm nhà nên bị cáo đã nảy sinh ý định lên rừng cưa gỗ về làm nhà. Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Xét về những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thứ nhất, trong quá trình điều tra vụ án bị cáo đã tự nguyện khai báo trung thực, thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải, bị cáo đã rất hối hận về hành vi của mình và mong muốn nhận được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; Thứ hai, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, đã tự đến cơ quan chức năng khai báo đầy đủ về hành vi phạm tội. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “*Người phạm tội tự thú*”; Thứ ba, mặc dù gia đình bị cáo vô cùng khó khăn, thuộc hộ nghèo, nhưng bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường, khắc phục số tiền 500.000 đồng. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là người dân tộc thiểu số nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xét xử đối với bị cáo. Từ những phân tích trên đề nghị HĐXX áp dụng điểm e, khoản 3 Điều 232; điểm b, r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị.

Về án phí: áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo đã có đơn xin miễn án phí. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét miễn toàn bộ án phí đối với bị cáo.

Bị cáo Vàng A V nhất trí với ý kiến của người bào chữa không bổ sung thêm gì và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Nguyên đơn dân sự nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không có tranh luận gì.

Bị cáo thực hiện lời nói sau cùng đề nghị xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình khó khăn xin giảm nhẹ hình phạt mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự và Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trợ giúp viên pháp lý vắng mặt tại phiên tòa có lý do gửi Luận cứ bào chữa cho bị cáo Vàng A V và bị cáo đồng ý xét xử, xét thấy việc vắng mặt Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử, theo quy định Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ tháng 07/2020 đến tháng 02/2021 Vàng A V đã có hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ nghiêng nhóm IIA tổng khối lượng 16,132m³ giá trị 161.973.300 đồng. Vị trí khai thác tại tiểu khu 155, khoảnh 4, lô 21, thuộc địa phận Thôn K, xã M, huyện B; loại rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già là chủ quản lý. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm e khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Điều 232 Bộ luật hình sự quy định:

...3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên ...10 mét khối (m³) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, bị cáo biết rằng việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc khai thác gỗ trái phép. Trong khi toàn Đảng, toàn dân phát động phong trào trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống sói mòn sạt lở. Huyện B đã có nhiều giải pháp quyết liệt tuyên truyền bảo vệ rừng, nhưng tình hình khai thác gỗ trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra rất phức tạp. Bị cáo khai thác trái phép với số lượng gỗ rất lớn, gây thiệt hại rất nghiêm trọng về tài sản của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường rừng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật. Mục đích do nhu cầu làm nhà ở và xẻ thành thớt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, đúng ra bị cáo phải xin phép cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép mới được khai thác gỗ, nhưng không xin phép mà tự ý khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật. Nên cần xử lý bị cáo bằng chế tài Luật hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Do đó, cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Bị cáo Vàng A V đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục ra quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi sự việc xảy ra chưa bị phát hiện bị cáo đến Công an huyện B tự thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường một phần về hành vi phạm tội của mình, chưa có tiền án, tiền sự là người dân tộc thiểu số, lao động chính trong gia đình con còn nhỏ cần sự chăm sóc của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng thêm khoản 1 điều 54 của Bộ luật hình sự trong khung liên kết nhẹ hơn cho bị cáo có cơ hội, cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già tỉnh Hà Giang yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.947.400đ để nộp sung vào ngân sách nhà nước, bị cáo đã bồi thường được 500.000đ nay còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại 3.447.400đ. Hội đồng xét xử, xét thấy đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Trong vụ án này có đối tượng liên quan: Đối với những người mua thớt nghiêng do Vàng A V khai thác trái phép, do không có đủ cơ sở để xác định nhân thân lai lịch của những người này do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Từ những căn cứ trên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ được chấp nhận.

[12] Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị về mức án Vàng A V từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù chưa tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[13] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ”. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa thì bị cáo là người dân lao động thuần túy, thu nhập không ổn định, là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[14] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau: Đối với 01 cây gỗ nghiêng nhóm IIA còn lại tại hiện trường là 15,745m³ và 01 máy cưa xăng nhãn

hiệu 6200, màu sơn xanh - trắng lam máy cưa kích thước 75cm, không có xích. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[15] Về án phí: Bị cáo Vàng A V hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số và có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo.

[16] Quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vàng A V phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232, điều 38, điều 50; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng A V **04 (Bốn)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Vàng A V bồi thường cho Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già tỉnh Hà Giang tổng số tiền 3.947.400đ, được khấu trừ vào số tiền Vàng A V đã nộp 500.000đ theo biên lai thu tiền số 0003151 ngày 23/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, nay còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại 3.447.400đ cho Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già tỉnh Hà Giang nộp sung vào ngân sách nhà nước.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 cây gỗ nghiến nhóm IIA có khối lượng còn lại 15,745m³ (*Mười lăm phẩy bảy trăm bốn mươi lăm mét khối*) tại hiện trường thuộc tiểu khu 155, khoảnh 4, lô 21 thuộc địa phận Thôn K, xã M,

huyện B, tỉnh Hà Giang; 01 máy cửa xăng nhãn hiệu 6200, màu sơn xanh - trắng lam của máy cửa có kích thước 75cm, không có xích cắt, đã qua sử dụng.

(Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/01/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

6. Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 6 điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vàng A V được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự có giá ngạch.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo; Trợ giúp viên pháp lý;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công